TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2025/DS-ST.
Ngày: 26-06-2025.
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Ngọc Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Ánh Sáng.

Ông Lưu Đức Chung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Đinh Triều- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 06 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử công khai vụ án thụ lý số 639/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2025/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 05 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 764/2025/QĐ-ST ngày 27 tháng 05 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 (S2)**, địa chỉ: 2 N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lã Ngọc M, sinh năm 1970, địa chỉ: Lầu F, B N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

- Bị đơn: Ông **Võ Hồng T**, sinh năm 1959, địa chỉ: Tổ B, khu C, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 10 năm 2024 của nguyên đơn- Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 (S2) và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 06/06/2013, ông Võ Hồng T có ký với Ngân hàng TMCP S1 (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng của Ngân hàng, các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn

cứ thu nhập của ông Võ Hồng T, Ngân hàng đã đồng ý cấp Thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30,000,000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông Võ Hồng T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 29,700,000 đồng. Trong quá trình sử dụng Thẻ tín dụng, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông Võ Hồng T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 29,482,702 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:

+ Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước.

+ Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước.

+ Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước.

+ Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ.

+ Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ.

+ Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Võ Hồng Th vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông Võ Hồng T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 06/05/2016 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng Thẻ tín dụng và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng Thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 28,640,273 đồng sang nợ quá hạn (gọi là nợ gốc) và tính lãi quá hạn hàng tháng trên dư nợ quá hạn, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại, lãi suất trong hạn là 2,5%/tháng X 150%= 3,75%/tháng lãi quá hạn).

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông Võ Hồng T, yêu cầu ông Võ Hồng T có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để ông Võ Hồng T trả nợ, tuy nhiên, ông Võ Hồng T vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký. Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP S1 kính đề nghị Quý Tòa giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn:

1. Buộc ông Võ Hồng T phải trả ngay một lần cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 26/06/2025 là 148,176,473 đồng (Bằng chữ: Một trăm bốn mươi tám triệu, một trăm bảy mươi sáu nghìn, bốn trăm bảy mươi ba đồng) trong đó: Nợ gốc là 28.640.273 đồng và lãi quá hạn là 119.536.200 đồng.

2. Ông Võ Hồng T có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 27/06/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã làm thủ tục tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn- ông Võ Hồng T không hợp tác đến Tòa án để giải quyết nên không có ý kiến.*

** Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:*

Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, việc thu thập chứng cứ thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đảm bảo đúng trình tự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn- Ngân hàng thương mại cổ phần S1. Về án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Ngân hàng thương mại cổ phần S1 (S2) và ông Võ Hồng T có ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng ngày 06/06/2013. Do ông Võ Hồng T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng thương mại cổ phần S1(S2) khởi kiện. Do đó, quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

[2] Thẩm quyền giải quyết: Do các đương sự "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", bị đơn- ông Võ Hồng T có nơi cư trú tại huyện L nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Long Thành theo quy định tại các Điều 26, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Không có đương sự đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu nên không xem xét.

[4] Về thủ tục tố tụng: Qua xác minh tại Công an thị trấn L, huyện L, tỉnh Đ thì ông Võ Hồng T có đăng ký thường trú tại tổ B, khu C, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đ. Bị đơn- ông Võ Hồng T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Võ Hồng T.

[5] Về nội dung vụ án:

[5.1] Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng ngày 06/06/2013 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S1 (S2) và ông Võ Hồng T được ký kết trên cơ sở tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật. Hạn mức tín dụng được cấp là 30.000.000 đồng; mục đích vay: tiêu dùng cá nhân, lãi suất vay: theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

[5.2] Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Võ Hồng T vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng đã ký, cụ thể: ông Võ Hồng T đã giao dịch với số tiền

29.700.000 đồng, chỉ thanh toán được cho Ngân hàng với tổng số tiền là 29.482.000 đồng. Tính đến ngày 26/06/2025, ông Võ Hồng T còn nợ của Ngân hàng tổng cộng là 148.176.473 đồng, trong đó: Nợ gốc là 28.640.273 đồng và lãi quá hạn là 119.536.200 đồng. Ông Võ Hồng T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh, không thực hiện việc trả nợ gốc, lãi đúng cam kết.

[5.3] Bị đơn- ông Võ Hồng T đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không hợp tác đến tòa án giải quyết nên không có ý kiến.

[5.4] Do đó, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn-Ngân hàng TMCP S1 (S2), buộc ông Võ Hồng T phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng tính đến ngày 26/06/2025, tổng cộng là 148.176.473 đồng, trong đó, nợ gốc là 28.640.273 đồng và lãi quá hạn là 119.536.200 đồng. Ông Võ Hồng T phải tiếp tục chịu lãi kể từ ngày 27/06/2025 cho đến khi ông Võ Hồng T thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký.

[6] Về án phí:

[6.1] Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn-Ngân hàng TMCP S1 (S2), ông Võ Hồng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.408.824 đồng.

[6.2] Hoàn trả cho nguyên đơn- Ngân hàng thương mại cổ phần S1 (S2) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.418.000 đồng theo biên lai thu số 0014338 ngày 28/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành.

Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 357, 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng.

Căn cứ Điều 13 Thông tư số 39/2016/NHNN ngày 30/12/2016 về quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn-Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 (S2) về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* đối với bị đơn-ông Võ Hồng T.

Xử buộc ông Võ Hồng T phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng

Thương mại cổ phần S1 (S2) số tiền nợ gốc là 28.640.273 đồng và nợ lãi quá hạn là 119.536.200 đồng, tổng cộng là 148.176.473 (một trăm bốn mươi tám triệu một trăm bảy mươi sáu ngàn bốn trăm bảy mươi ba) đồng.

Kể từ ngày 27/06/2025, nếu ông Võ Hồng T chậm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 (S2) thì ông Võ Hồng T phải chịu tiền lãi phát sinh đối với số tiền chậm thanh toán theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

2. Về án phí: Bị đơn- ông Võ Hồng T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 7.408.824 (bảy triệu bốn trăm lẻ tám ngàn tám trăm hai mươi bốn) đồng.

Hoàn trả cho nguyên đơn- Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 (S2) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.418.000 (ba triệu bốn trăm mười tám) đồng theo biên lai thu số 0014338 ngày 28/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Ánh Sáng – Lưu Đức Chung **Đào Ngọc Nam**

**** Nơi nhận:***
- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Ngọc Nam